TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 9- 2022
"V/v *Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Trần Ngọc Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Lan P, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Q, xã H, Tp.TH Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn Q, xã H, Tp.TH, Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn Võ Thị Lan P vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có đơn trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Trần Hoài T1, sinh ngày 25/5/2015. Sau đó, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, ngày càng trầm trọng. Có khi chị bị anh T đánh đập thậm tệ, chị vô cùng sợ hãi, gia đình can ngăn nhưng sự việc càng trầm trọng. Đến năm 2020, chị và anh T không chung sống với nhau nữa, anh T cũng không chăm lo, nuôi nấng, hay phụ giúp chị nuôi con. Chị về nhà mẹ ruột để nương tựa và nuôi con. Gần đây, anh T còn đe dọa đánh đập ảnh hưởng đến sức khỏe của chị và con. Cho đến nay, chị không thể hàn gắn tình cảm

vợ chồng với nhau được nữa, yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung tên Trần Hoài T1, sinh năm 2015. Nay khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T1, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng tại Tòa án: Chị P đi làm xa tại Thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện mưu sinh khó khăn, chị không xin nghỉ làm được, việc đi lại của chị tốn khá nhiều chi phí nên không thể tham gia quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị nên chị yêu cầu Tòa án xem xet, giải quyết vụ việc ly hôn vắng mặt chị với các yêu cầu về hôn nhân, con chung và tài sản chung như trình bày trên.

***Bị đơn anh Trần Văn T trình bày.**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị Lan P kết hôn năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Trần Hoài T1, sinh năm 2015.

Mâu thuẫn vợ chồng thì không thể tránh khỏi nhưng anh cũng không làm gì quá đáng cả. Anh biết mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2020 do Chị P có người khác, rồi Chị P đã bỏ nhà đi khoảng 02 năm nay. Nay Chị P gửi đơn xin ly hôn, anh cũng không còn tình cảm với Chị P, chấp nhận ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: 01 con chung tên Trần Hoài T1, sinh năm 2015. Hiện nay, cháu đang ở với anh, do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, không yêu cầu Chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Việc Chị Pcho rằng anh không chăm lo nuôi nấng con hay phụ giúp Chị P nuôi con là điều không đúng vì khi Chị P bỏ nhà đi khoảng 02 năm nay, cháu T1 vẫn ở với anh, bà ngoại cháu nhà ở sát bên nên khi anh bận công việc thì gửi cháu cho bà ngoại chăm sóc, chủ yếu thì anh vẫn chăm sóc, dạy dỗ cháu. Anh T mở tiệm sửa xe và mua bán xe cũ ở gần nhà nên có nhiều thời gian gần con và chăm sóc con. Yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được nuôi con, không yêu cầu Chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề sửa xe, thu nhập khoảng 12 triệu đến 13 triệu đồng, đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 8 năm 2022, cháu Trần Hoài T1 là con ruột của Chị Pvà anh T có trình bày: Con là con của mẹ Võ Thị Lan P và ba Trần Văn T. Nay con 8 tuổi, học trường Tiểu học N, xã H. Con ở với ba ở xã H. Mẹ có thường xuyên gọi điện về hỏi thăm con, khi về có chở con đi chơi. Nay ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì con muốn ở với ba. Vì con ở với ba, với bà ngoại con nhà sát bên cạnh nhà của ba mẹ con.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, chấp nhận ly hôn với nguyên đơn P, yêu cầu được nuôi con chung Trần Hoài T1, không yêu cầu Chị P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

HĐXX có hỏi nguyện vọng của cháu Trần Hoài T1, cháu T1 vẫn giữ nguyên ý kiến là muốn ở với ba là bị đơn Trần Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao cháu Trần Hoài T1 cho bị đơn Tchăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con do bị đơn tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Trần Văn T có địa chỉ thường trú tại thôn Q, xã H, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị Lan P và bị đơn Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND Phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2014 ngày 08/7/2014. Hôn nhân của Chị P và anh T đảm bảo về điều kiện kết hôn và đúng nghi thức theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên đơn bị đánh đập, hay kình cãi lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không được hàn gắn, không ai quan tâm, chia sẻ cuộc sống gia đình với nhau, nguyên đơn đã ly thân với bị đơn từ năm 2020 đến nay. Bị đơn cho rằng có mâu thuẫn xảy ra nhưng không đến mức quá đáng. Nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cũng chấp nhận. Xét các bên đương sự không còn tình thương và trách nhiệm của vợ chồng giành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn

trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Trần Hoài T1, sinh ngày 25/5/2015. Hiện nay cháu T1 thực tế đang ở với cha, do bị đơn Ttrực tiếp chăm sóc đã ổn định về điều kiện sống, sinh hoạt và học tập. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi con nhưng hiện nay nguyên đơn trình bày đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện mưu sinh khó khăn. Cháu T1 hiện đang học trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân và có nguyện vọng ở với ba. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu T1, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu T1, Hội đồng xét xử xét giao cháu T1 cho bị đơn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn Trần Văn T không yêu cầu nguyên đơn P cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu là tự nguyện nên HĐXX không xét.

[7] Về tài sản chung*:* Không yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị Lan P được ly hôn với bị đơn Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hoài T1, sinh ngày 25/5/2015 cho bị đơn Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn Võ Thị Lan P không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Võ Thị Lan P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0005487 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn P đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND Phường X, thị xã S (số 49/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên